

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

CẦN ĐƯỢC ĐẶT ĐÚNG VỊ TRÍ TRONG CHIẾN LƯỢC KINH TẾ XÃ HỘI

ĐÀO CÔNG TIẾN

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (DBSCL) NẴM Ở PHẦN CUỐI CỦA LÃNH THỔ NƯỚC TA, TRÊN ĐỊA GIỚI CỦA 9 TỈNH: LONG AN, TIỀN GIANG, BẾN TRE, CỬU LONG, ĐỒNG THÁP, AN GIANG, KIẾN GIANG, HẬU GIANG, MINH HẢI.

Toàn vùng rộng gần 4 triệu ha đất tự nhiên (bằng 12% so với cả nước), có 14,2 triệu dân (bằng 21% so với cả nước).

1. DBSCL có tiềm lực rất lớn về phát triển nông nghiệp.

Với một diện tích tự nhiên không lớn, nhưng DBSCL có khoảng 3,3 triệu ha đất nông, lâm nghiệp (bằng 25% so với cả nước). Đất nông nghiệp đang sử dụng có khoảng 2,44 triệu ha (bằng 35% so với cả nước). Riêng đất trồng lúa là 1,9 triệu ha (bằng 46% so với cả nước). Thềm lục địa vùng DBSCL chạy dài từ Gò Công đến Hà Tiên, ăn ngầm xa ra biển rất giàu tiềm năng thủy hải sản.

Đất DBSCL phần lớn là đất phù sa bồi hằng năm, rộng, bằng phẳng, lại gần với chế độ khí hậu nhiệt đới, nguồn nước sông Cửu Long và nước mưa dồi dào, có khả năng đáp ứng yêu cầu của nhiều loại

cây trồng, vật nuôi ở tất cả các mùa vụ với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.

Trong 14,203 triệu dân, có 11.923 triệu người sống ở nông thôn, trong đó có 5,36 triệu người trong tuổi lao động, một số lượng hùng hậu so với qui mô quỹ đất và tài nguyên nông nghiệp đang khai thác. Người lao động nông nghiệp ở DBSCL cần cù, dũng cảm, giàu kinh nghiệm sản xuất, nhạy bén trong việc tiếp thu khoa học kỹ thuật, đã từng gắn với hoạt động của kinh tế thị trường, nhất là trong tầng lớp trung nông của Đồng bằng.

Gần với Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Cần Thơ, các thị xã, thị trấn, thị tứ trên vùng, hệ thống giao thông, một số cơ sở công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến và sửa chữa cơ khí đã bước đầu được hình thành và phát huy tác dụng sản xuất nông nghiệp và cùng với nông nghiệp đưa sản phẩm vào thị trường trong và ngoài nước.

2. Mặc dù còn có nhiều yếu tố hạn chế trong việc khai thác tiềm năng (diện tích phèn mặn còn nhiều, vùng trũng khó thoát nước còn lớn, nước lũ hằng năm chưa

không chế được, nguồn năng lượng thiếu, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo và lạc hậu, dân còn sống nghèo khổ, nhất là bệnh hoạn, thất học và hưởng thụ văn hoá văn minh xã hội chưa cao) nhưng với những lợi thế của mình, DBSCL trong những năm qua đã thể hiện không chỉ là vùng lương thực lớn nhất nước (như dự thảo chiến lược đã ghi) mà còn là một vùng nông nghiệp lớn nhất nước.

Sản lượng lúa từ 4,6 triệu tấn (1976) lên 5,2 triệu tấn (1980), 6,8 triệu tấn (1985), 7,45 triệu tấn (1988) và 9 triệu tấn (1989). Tỷ trọng trong sản lượng thóc cả nước là 39,5% (1975), 43,4% (1985), 44,2% (1986), 45,7% (1988) và 47,9% (1989). Riêng năm 1989, ngoài việc đảm bảo tiêu dùng tại chỗ, cung ứng cho TP. Hồ Chí Minh, miền Đông Nam bộ và đưa ra miền Bắc, còn xuất khẩu được 1,4 triệu tấn gạo. Tỷ suất hàng hoá thóc đạt mức 44,5%.

Cây công nghiệp ngắn ngày và cây ăn trái có cơ cấu rất phong phú đa dạng và qui mô khá lớn so với các vùng khác của cả nước (tỷ trọng trong sản lượng hàng hoá của cả nước về miá cây là 48%, quả dưa 80%, trái cây các loại khoảng 50-60%).

Chăn nuôi gia súc phát triển tuy có chậm, đàn heo có giảm sút, nhưng sản lượng thịt các loại vẫn chiếm tỷ trọng từ 35 đến 40% so với cả nước.

Nuôi trồng và khai thác tự nhiên cá, tôm đạt tỷ trọng trên 40% sản lượng và 60% sản lượng hàng hoá xuất khẩu so với cả nước.

Rừng DBSCL chịu nhiều tổn thất trong chiến tranh, sau năm 1975 nhiều nơi đã trồng lại và có tốc độ tái sinh khá nhanh, góp phần tạo cân bằng sinh thái và nguồn lợi tổng hợp của rừng có dấu hiệu được khôi phục lại trên 350 ngàn ha ở bán đảo Cà Mau, Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên và Tây sông Hậu.

3. Nhiều công trình nghiên cứu, nhất là từ 15 năm trở lại đây đều cho rằng nếu có những giải pháp thích đáng nhằm giải quyết những yếu tố hạn chế (như đã nêu ở trên) thì nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long sẽ phát triển vượt bậc ngay trong thập niên 90 này.



Những giải pháp đó thể hiện ở những điểm chính yếu là:

Tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống giao thông (kể cả việc xây dựng 2 cầu qua sông Tiền, sông Hậu), thủy lợi, nguồn điện và hệ thống tài chính, cơ sở chế biến (nhất là chế biến nông, thủy sản); hệ thống cung ứng, tiêu thụ và dịch vụ khoa học kỹ thuật.

Điều phối hợp lý và phát huy cao độ nguồn nhân lực bằng việc quan tâm chăm sóc nhiều hơn, hiệu quả hơn đối với người nông dân Đồng bằng. Bằng những giải pháp chính trị, kinh tế, xã hội (kể cả đầu tư của Nhà nước và mở cơ chế chính sách thông thoáng cho dân tự do) để tạo dựng cho được một đời sống ấm no, tự do hạnh phúc, nhất là có việc làm với thu nhập đủ sống; được học hành, được chăm sóc sức khỏe, được hưởng thụ văn hoá và văn minh xã hội trong trật tự lễ luật và tôn trọng nhân cách với nhau trong các mối quan hệ con người (hết sức chú ý đến các vùng sâu và dân tộc ít người).

Trên cơ sở đổi mới tư duy kinh tế theo hướng phát triển kinh tế hàng hoá, đa dạng hoá các hình thức sở hữu, hình thức sử dụng, thành phần kinh tế, loại hình xí nghiệp; thực hiện chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm của người sản xuất trong trật tự, lễ luật với sự định hướng và điều tiết của Nhà nước bằng kế hoạch ở tầm vĩ mô, bằng luật pháp, chính sách. Bằng thực lực kinh tế từ việc xây dựng và sử dụng hợp lý có hiệu quả các quỹ quốc gia mà thừa nhận thực sự kinh tế nông hộ, kinh tế tư nhân trong nông nghiệp bên cạnh kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể. Xúc tiến nhanh chóng việc giao quyền sử dụng ruộng đất, tài nguyên, môi trường nông nghiệp lâu dài và ổn định cho nông dân (kể cả việc thừa kế sang nhượng quyền sử dụng). Thừa nhận thực sự quyền thuê mượn thêm nhân công và quyền sở hữu, quyền sử dụng các tư liệu sản xuất khác của nông dân.

Kiến toàn và củng cố hệ thống chính

quyền ở nông thôn cả về thể chế, tổ chức bộ máy và cán bộ, để hệ thống chính quyền đó thực sự xứng đáng là người đại diện cho Nhà nước, và là người của dân, vì dân, do dân.

Những giải pháp nêu trên được thực hiện một cách thực sự có hiệu quả thì nông nghiệp DBSCL sẽ phát triển vượt bậc ngay trong thập niên 90 này, tạo yếu tố quyết định cho sự thành đạt của chiến lược nông nghiệp cả nước.

Các công trình nghiên cứu cũng dự báo sự phát triển đó đến năm 1995 và năm 2000 trên những nét chính là: Sản lượng thóc đạt 12 triệu tấn (1995), 15 triệu tấn (2000) bằng 52% (1995) và 60% (2000) so với cả nước; cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi, thủy sản được phát triển và gắn với công nghiệp chế biến vừa đáp ứng nhu cầu trong nước vừa xuất khẩu. Dự báo giá trị hàng hoá nông sản xuất khẩu có thể đạt khoảng 600 triệu USD (1995) và 1 tỉ USD (2000).

Từ những nét trên đây, ta thấy với sức phát triển thực tại và tiềm năng có khả năng khai thác, DBSCL xứng đáng là vùng nông nghiệp lớn nhất của cả nước, cần phải được đặt đúng vị trí trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000 và kế hoạch phát triển cho 5 năm 1991-1995.

DCT

